

## LUẬN THÍCH TỊNH ĐỘ QUẢN NGHỊ

### QUYỂN 6

Hỏi: Tất cả các chúng sinh cầu sinh Tịnh độ, đều được vãng sinh hay cũng có người không được vãng sinh? Nếu đều được vãng sinh hết thì thế giới chúng sinh vô cùng do đâu, cõi nước Cực lạc có ngày chung tận, Phật A-di-đà có ngày Niết-bàn. Còn Bồ-tát Hoa Tụ và Bồ-tát Sơn Hải Tuệ không nên phát nguyện: “Nếu có chúng sinh nào chưa sinh hết về cõi nước của Phật A-di-đà, nếu tôi sinh trước, thì tôi sẽ không bao giờ thành Chánh giác.” Cũng không được nói: “Chúng sinh sinh hết, tôi sinh sau cùng.” Nếu có người không sinh, vì sao phạm các tội nặng như năm tội nghịch, mười điều ác, phỉ báng chánh pháp, mà được vãng sinh? Sao có người phạm tội còn hơn đây, lại không được sinh? Kinh nói: “Cũng khiến cho tất cả chúng sinh được sinh Tịnh độ. Người không được sinh, lẽ ra chẳng phải chúng sinh. Còn Đại Bi Thế Tôn, lòng Từ trùm khắp, vì sao chỉ cách một số mà không cho họ sinh? Đại bi vô hạn có lỗi không bình đẳng.

Thích: Ở đây có hai giải thích:

1. Tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, vì Phật đại Bi, tâm không hạn lượng, khởi lòng Từ bình đẳng, đều cho lợi ích, thệ nguyện rộng lớn, không phân biệt oán thân, nên tất cả hữu tình đều được vãng sinh.

Như vậy trước lập vấn nạn, lại vì sao đáp chung.

Tuy đều khiến được sinh, nhưng chí nguyện của chúng sinh có nhiều thứ khác nhau, nên không tin chánh pháp, ưa thích Tiểu thừa, hoặc là ưa thích ở cõi uế, hoặc là lòng đại Bi cứu khổ, trụ ở cõi uế này, để cứu vớt chúng sinh, hoặc là thích vãng sinh về cõi nước Phật khác, tu hạnh cúng dường. Các tâm hạnh khác nhau như thế, không thể sinh Cực lạc. Tuy đều được sinh, nhưng không thể sinh hết, thí như tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, dù sẽ thành Phật, nhưng cũng chưa hẳn thành hết, nếu thành hết, thì thế giới chúng sinh cũng hết, ở đây cũng giống như thế, nghĩa trước không trở ngại, vả lại quán một loại cơ duyên chúng sinh thích sinh Tây phương sơ lược đã hết, Bồ-tát phát nguyện,

Như Lai diệt độ.

2. Cũng có người không được vãng sinh Tây phương, như kinh nói: “Người phải độ đã độ xong.” Còn nói: “Hóa duyên đã hết, thu thân Niết-bàn.” Y theo đây mà biết, đứng về có duyên mà nói, không căn cứ vào tất cả chúng sinh mà nói chung. Tuy tâm Phật rộng lớn khắp các thế giới chúng sinh, nhưng Ngài chỉ độ những người có duyên, nên căn cơ vãng sinh có chung tận. Như Lai có ngày diệt độ, Bồ-tát đến cuối cùng, Quán Âm thành vị Bồ xứ, nên người vãng sinh chẳng phải là khắp tất cả.

Hỏi: Đã nói Tịnh độ không có người nữ, vì sao kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni nói: “Phật A-di-đà, cõi nước của ngài tên là Thanh Thái, tòa thành an trụ của bậc Thánh vương, rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần, trong đó đầy khắp những vị giòng Sát-lợi, tên cha là Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh, người đệ tử thị giả tên là Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên là Lãm Quang, đệ tử thần túc tinh cần tên là Đại Hóa, Ma vương tên là Vô Thắng, Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Ý.” Nếu không có người nữ, vì sao có mẹ ư?

Thích: Ở đây có ba giải thích:

1. Phật có thân Thọ dụng, thân Biến hóa. Kinh Quán nói là thân Thọ dụng, còn kinh Cổ Âm Thanh Vương nói là thân Biến hóa. Lại trong thân Thọ dụng thì hóa ra các Bồ-tát phần đoạn sinh tử, hiện thân thai sinh, có cha mẹ... biến hóa ra dị vị, hiện thân hóa sinh, thì không có cha mẹ.

Cha mẹ, thành ấp này, đều là pháp công đức, như kinh Duy-ma-cật nói: “Bồ-tát trí độ làm mẹ, phương tiện làm cha.” Cũng lấy các công đức làm tên của nhiều người, nói các thứ pháp, như Văn-thù-sư-lợi ở phía Đông Giác thành gặp đồng tử Thiện Tài, phía Đông Giác thành vẫn là tên Công đức. Ở đây cũng giống như thế, lấy các công đức đó làm tên cha mẹ.

Nói cõi nước Thanh Thái, đây là hiển bày pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tánh tịnh gọi là Thanh, thể rộng gọi là Thái, muôn đức y chỉ, nên nói là quốc. Thành đó rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần, ở đây là hiển bày trí đại viên cảnh của Như Lai. Trí này bao gồm mười trí, có mười lực, do mười độ mà thành, nên gọi là mười ngàn do-tuần, trong đó đầy khắp những vị dòng họ Sát-lợi, dòng họ Sát-lợi là dòng họ vua. Trong cảnh trí ở Pháp vương có hằng sa công đức hạt giống các pháp, nên nói là đầy khắp các vị dòng họ Sát-lợi.

Cha tên Nguyệt Thượng, đây là Kim cang Tam-muội. Mặt trắng phá bóng tối là năng, Tam-muội trừ hoặc là dụng. Chuyển luân Thánh vương: Kim Luân Vương, các vị Túc Tán, Kim cang dụ định, hơn các Tam-muội khác. Sắc đẹp thù thắng, xét trong thân, gương mặt là nhất, trong sáu độ, Bát-nhã là tôn quý, Bát-nhã thù thắng, là mẹ của Đại sư. Tên con là Nhật Minh, Phật dụ như mặt trời, ánh sáng bậc nhất, công đức Bồ-tát, được gọi là con, kế đó gọi là Nguyệt Minh. Đệ tử thị giả tên là Vô Cấu Xưng, đây là hiển rõ tánh trí bình đẳng của Như Lai. Thường quán cảnh trí gọi là phụng sự. Không đi chung với hoặc, hiệu là Vô Cấu Xưng. Đệ tử trí tuệ tên Lâm Quang, Đây là hiển rõ trí Diệu Quan Sát của Như Lai. Tất cả các pháp đều rõ ràng, nên tên là Lâm Quang. Đệ tử Thần túc tên Đại Hóa, đây là hiển rõ trí thành sở tác của Như Lai. Khởi các thứ biến hiện trên thân, ngữ, ý, nên tên là Thần Túc. Đây là trí thứ ba. Tên người em ở sau cảnh trí, từ cảnh trí mà sinh gọi là con. Ma vương tên Vô Thắng, đây là hiển rõ công đức đại Bi của Như Lai. Phật dùng đại Bi thương xót hàm thức, thường ở trong sinh tử, cứu khổ hữu tình, ma ưa thích sinh tử nên gọi là Ma vương. Đại bi này vượt hơn bi của Nhị thừa, nên gọi là Vô Thắng. Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Ý, phiền não xao động, não loạn người tu hành. Dụ như Điều-đạt. Như Lai quán các phiền não là Niết-bàn, nên Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch. Đây là đứng về các công đức để gọi tên cha mẹ, chẳng phải trong Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà có thai sinh cha mẹ.

**Như kinh Bi Hoa nói:** “Chư Phật thành đạo ở cõi tịnh và uế, chỗ hiện thành đạo có nhiều thứ khác nhau, hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi kia, tu hạnh Bồ-tát, tức ở trong cõi nước đó thành Đẳng chánh giác, thế giới không thay đổi, danh hiệu và kiếp cũng không khác, hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi nước kia, tức thành Đẳng chánh giác ở nước đó, danh hiệu và kiếp có tên gọi khác. Hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi kia, tu hạnh Bồ-tát, thành Đẳng chánh giác ở nước đó, trong khi thành Phật, thế giới liền thay đổi, tốt đẹp hơn thế giới trước, danh hiệu và kiếp đều đổi khác.” Như trong kinh Quán Âm Thọ Ký có nói đầy đủ. Hoặc có Bồ-tát đã sinh trong thế giới này, đi qua thế giới khác thành Đẳng chánh giác, đầy đủ như trong kinh Bi Hoa Trong nhân của Bồ-tát này phát nguyện khác nhau nên có sự khác nhau như thế.

Còn trong các kinh, hoặc có Bồ-tát đồng tử xuất gia, thành Đẳng chánh giác. Hoặc có Bồ-tát lấy vợ sinh con, xả bỏ năm dục, thành Đẳng chánh giác, hoặc có chúng sinh ở thế giới này thành đạo ở thế giới khác. Như kinh Pháp Hoa nói, như Long nữ sinh ở đường súc sinh của thế giới

Ta-bà này, về sau trụ ở phương Nam của thế giới Vô cấu, bỏ thân người nữ kia, liền thành người nam, thành Đẳng chánh giác.

Còn Hoa Quang Như Lai là ở trong thai sinh, ở trong Tịnh độ thành Đẳng chánh giác. Nên kinh nói: Khi Phật là vương tử, xả bỏ đất nước và vinh hoa ở đời, nơi thân sau cùng xuất gia thành Phật đạo. Từ đó mà biết Phật Hoa Quang thọ thai sinh ở thế giới khác, nơi Tịnh độ thành Đẳng chánh giác. Nếu chẳng phải thai sinh, thì đâu làm vương tử, bỏ nước bỏ đời vinh hoa ? Nay Phật A-di-đà cũng giống như vậy, ở trong cõi nước Thanh Thái thọ thai sinh, ở cõi nước Cực lạc thành Đẳng chánh giác.

Hỏi: Như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên... được năm thần thông, không vượt ra khỏi tam thiên đại thiên thế giới, tại sao sinh ở phàm phu kia mà có khả năng dưới đến thấy nghe thần thông, vượt qua trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật? Y cứ theo đây mà biết vãng sinh Tịnh độ, đều là những bậc Bồ-tát đại căn đại hạnh, phàm phu chẳng thể vãng sinh được.

Thích: Không thể cho cõi uest của bậc Thánh đã được năm thần thông hơn Tịnh độ của phàm phu, chỉ như định báo ngàn năm của Bắc Uất-đơn-việt, không trở ngại gì cho tuổi thọ tám muôn kiếp của cõi trời Phi tướng phi phi tướng, có người chết yếu ở khoảng giữa, đâu vì nghiệp báo của các vị trời lâu dài, không chấp nhận tuổi thọ có chết yếu giữa chừng. Tịnh độ cũng giống như vậy, tuy là phàm phu, vì nghiệp thọ sinh mạnh hơn, hoặc báo của Tịnh độ mạnh hơn, nương bản nguyện của Phật, hoặc nương oai linh của bậc Thánh, hoặc nhờ sinh duyên tốt, hoặc được diệu định Đại thừa, duyên đây được thần thông, bậc Thánh ở cõi này đâu có gì lạ? Còn trung ấm của năm đường sắp cầu thọ sinh, được nghiệp thần thông, siêu Nhị thừa tu được thần thông, đâu trở ngại gì việc chúng sinh Tịnh độ được thần thông hơn bậc Thánh ở cõi này? Nên kinh nói rằng: “Gốc lành vô lậu của Thanh văn, Độc giác, không bằng gốc lành hữu lậu của Bồ-tát sơ tâm mới học.”

Hỏi: Chẳng hay chúng sinh vãng sinh Tây phương là Phần đoạn sinh tử hay Biến dịch sinh tử?

Đáp: Bồ-tát ở cõi đó từ Bát địa trở lên, một bề là Biến dịch sinh tử; Thất địa trở xuống, Sơ quả trở lên, hoặc là Phần đoạn, hoặc là Biến dịch, đi thẳng lên Tam hiền và Thập tín, đều chỉ có Phần đoạn, nhưng tuổi thọ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, ba mươi hai tướng, thân màu vàng ròng, thân hư vô, thể vô cực, năm thần thông tự tại, vi diệu khó suy nghĩ bàn luận.

Hỏi: Ở Tịnh độ, nói không có khổ, chẳng hay trong ba khổ, tám khổ không có khổ nào?

Thích: Nếu theo Tiểu thừa nói Ta-bà kia, thân Phật còn có đủ ba thứ khổ, trong tám khổ, còn có năm khổ, đó là khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ năm thủ uẩn, chỉ không có ba thứ khổ là khổ ái biệt ly, khổ oán tắng hội, khổ cầu bất đắc, vì thân Như Lai mười lăm giới là hữu lậu, nghĩa là năm căn, năm trần và năm thức, ba cõi có cả hữu lậu và vô lậu, nghĩa là ý giới, pháp giới, ý thức giới, vì là thân hữu lậu, có năm thứ khổ như sinh... nhưng dứt các kết sử phiền não, như tham, sân, si... không có ba thứ khổ. Vì khổ ái biệt ly là ái kết, khổ oán tắng hội là sân kết, khổ cầu bất đắc là tham kết. Phật tuy thương xót các Thích tử bị vua Lưu Ly tru diệt, nhưng không có khổ ái biệt ly; Điều-đạt làm ra máu, Chiến-già độn bụng, hầm lửa cơm độc, các thứ khổ nhóm họp đến, chẳng có khổ oán tắng hội, vào xóm khát thực, bát không trở về, gặp đời đói khát, cầu xin không được, tuy thuộc việc này, nhưng chẳng có khổ cầu bất đắc. Trong Đại thừa, thì năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới của Phật Thế Tôn, đều là vô lậu.

**Kinh Niết-bàn có câu:** “Điều chư Phật dạy gọi là Pháp, vì pháp thường nên chư Phật cũng thường.” Kinh lại chép: “Xả sắc vô thường được sắc thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.” Duy-ma-cật nói: “Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt.” Như thế các kinh Đại thừa đều nói thân Phật chỉ là vô lậu, ba khổ, tám khổ chỉ là hữu lậu, nên thân chư Phật không có các khổ. Từ Thập địa trở xuống, phàm phu trở lên, có hai giải thích:

1. Trong ba khổ có hành khổ và hoại khổ, trong tám khổ có một khổ, là khổ năm thủ uẩn, vì từ Thập địa trở xuống, do thọ các báo thân hữu lậu là Biến dịch, và phần đoạn, còn ở hành khổ thì có hữu lậu đối đời, đó là hành khổ những niềm vui hữu lậu là những niềm vui khi sống, khi trụ thì lạc, khi hoại thì khổ, nên có hoại khổ. Điều đó không bức bách thân tâm buồn khổ, chỉ không có khổ khổ. Ban đầu thọ thân, tuy gọi là sinh, chẳng phải là chỗ nương của các khổ, lại không có thai tạng ép ngặt, nên không có khổ sinh. Mạng rất lâu dài, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dù khiến cho phàm phu, còn vào trong Biến dịch sinh tử, nhưng cuối cùng thành Phật, không có khổ chết. Xả mạng kia, nguyện sinh cõi uế, để cứu độ chúng sinh khổ, tuy chết cũng không khổ, vì tâm vui vẻ, nguyện xả báo tu Tử bi. Đây là báo năm uẩn, từ hoặc sinh ra, thể là hữu lậu, tức là năm thủ uẩn. Cõi nước thanh tịnh của Phật, bốn đại an ổn, nên không có khổ bệnh, thân không suy tổn, nên không có khổ; già,

bạn tốt thường nhóm họp, nên không có khổ ái biệt ly, người ác không sinh, nên không có khổ oán tắng hội; duyên giúp đỡ không thiếu, nên không có khổ cầu bất đắc.

2. Thế giới Cực lạc tám khổ đồng như trước, trong ba khổ chỉ có hành khổ, do chịu phần đoạn, biến dịch, tuy có lạc thọ, nhưng chỉ có thanh tịnh, thường hằng nối nhau, không có đứt quãng, cuối cùng mãi chứng được cái vui tịch diệt, dù có một chút ngừng nghỉ, mà không có khổ sinh, chẳng có khổ hoại, nên Tịnh độ kia nói không có khổ là khổ khổ và hoại khổ.

Hỏi: Tịnh độ kia tuy không có khổ khổ, mà còn có hành khổ, như thế làm sao được gọi là Cực lạc?

Thích: Trong ba khổ chỉ có một khổ, trong tám khổ đó cũng chỉ có một khổ. Trong ba không có hai, trong tám thiếu bảy, tuy có một thứ nhưng không gọi là có khổ, như kinh Niết-bàn nói: “Như sông ít nước cũng gọi là vô thủy; như thức ăn ít muối, cũng gọi là vô diêm.” Lại như Tỳ-đàm nói rằng: “Biển cả một giọt nước, Tu-di một hạt bụi, không thể nói có núi biển.” Ở đây cũng giống như vậy, dù có một ít khổ, cũng không trở ngại gọi là Cực lạc. Còn ép ngặt không an, ở thân ở tâm thì gọi là lo khổ; cõi đó đều không, gọi là Cực lạc.

Hỏi: Kinh Quán nói: “Phân thân hóa Phật A-di-đà, hóa Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, tụ hội ở thế giới Cực lạc, độ chúng sinh khổ”, cõi đó đã gọi là Cực lạc, thì lẽ ra không có chúng sinh khổ, vì sao nói nhóm họp ở cõi nước Cực lạc độ chúng sinh khổ? Lại, ở đây nói độ chúng sinh khổ là độ chúng sinh khổ của tự độ hay độ chúng sinh khổ của tha độ?

Thích: Độ cả chúng sinh khổ của tự độ và tha độ.

Hỏi: Tự độ đã không có chúng sinh khổ, vì sao lại độ những chúng sinh khổ của tự độ? Tha độ tuy có chúng sinh khổ, lẽ ra phải đến họ độ khổ, vì sao phải nhóm họp ở Cực lạc, xa độ khổ ở phương khác?

Đáp: Chúng sinh tự quốc tuy không khổ, nhưng có hai thứ sinh tử: Phần đoạn và Biến dịch, khổ hành khổ của hữu lậu hữu vi, Như Lai đồng nhóm họp nói pháp mâu cho nghe, khiến nhanh chóng xa lìa hai thứ khổ sinh tử, thành tựu pháp thân, nên gọi là độ khổ.

Chúng sinh nước khác hoặc phải đích thân tự cứu khổ, nên phân thân Phật trùm khắp mười phương. Như chúng sinh cõi này Tịnh nghiệp đã thành, khi qua đời hóa Phật đến rước, hoặc phải trở về, xa làm lợi ích, nên phải nhóm họp nơi bản quốc, từ xa cứu vớt đắm chìm. Hoặc nói độ chúng sinh khổ, Hóa Phật nhóm họp trong tự độ, giáo hóa các Bồ-tát, giáo hóa các Bồ-tát, giúp họ khởi tâm đại bi, bỏ cõi an vui của mình,

được sinh về phương khác, thực hành hạnh đại Bi, giáo hóa chúng sinh có duyên trong mười phương, nên nói nhóm họp các chúng sinh khổ ở cõi nước Cực lạc.

Như kinh luận nói: Bồ-tát Bát địa vì phần nhiều tịch chứng lý chân như, không chịu xuất định giáo hóa chúng sinh, chư Phật xoa đầu khuyên họ xuất định giáo hóa chúng sinh, chính là nghĩa đó. Nên kinh Duy-ma nói: “Bồ-tát ở cõi này có tâm đại Bi vững chắc đối với chúng sinh.” Lại nói: “Người này mới có thể bỏ cõi Tịnh độ thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại.”

Hỏi: Kinh A-di-đà nói: “Chúng sinh ở nước kia không có các thứ khổ, chỉ hưởng những điều vui.” Không biết trong tám thức có mấy thức tương ứng với lạc thọ?

Thích: Trong tám thức, thức thứ bảy và thức thứ tám một bề nối nhau, cảnh duyên sâu kín, khó có thể hiểu biết. Dù ở trong chỗ rất đau khổ của địa ngục A-tỳ, dù sinh trong chỗ Cực lạc Tam thiên, nhưng hai thức này chỉ tương ứng với xả thọ, cho đến trí Đại viên Cảnh, trí Bình đẳng tánh của quả Phật tương ứng với tịnh thức, cũng chỉ thường tương ứng với xả thọ. Lấy đây làm chuẩn mà biết, thức thứ bảy, thức thứ tám ở thế giới Cực lạc thường tương ứng với xả thọ, ngoài ra sáu chuyển thức tương ứng với ba thọ, đó là hỷ, lạc, xả. Tại ý thì tương ứng với hỷ, lạc, thọ, tại năm thức thì tương ứng với lạc thọ, xả thọ thì tương ứng chung với tất cả. Vì kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Không có tất cả thân tâm buồn khổ, chỉ có vô lượng thanh tịnh hỷ lạc, thế nên gọi là thế giới Cực lạc.” Lấy đây làm chuẩn mà biết, trong sáu thức ở Tịnh độ, chỉ không có ưu khổ, không trở ngại có xả, vì sau các tâm hỷ lạc, cho đến giai vị tiết giảm, phần nhiều tương ứng với xả thọ kia. Lại xả thọ kia, thể của nó không ép ngặt, do thiện nghiệp chiêu cảm, nên được tương ứng với xả thọ.

Còn chúng sinh kia khởi Vị chí định và Đệ tứ thiên tĩnh lực các định trở lên ở khoảng giữa, vì sao không cho tương ứng với xả thọ? Lấy đây làm chuẩn mà biết, tuy gọi là Cực lạc, nhưng cũng được tương ứng với xả thọ. Nếu nói không đúng, thì kia cũng không được tương ứng với hỷ, vì cõi kia tên là thế giới Cực lạc. Tuy cõi tên Cực lạc, nhưng được tương ứng với hỷ, đâu ngại gì tên Cực lạc thế giới cũng tương ứng với xả thọ?

Hỏi: Về phần đoạn sinh tử, văn luận Đại Trí Độ... cũng nói thọ trùng thân, nhục thân. Kinh Đại Phẩm nói: “Trong thân của Bồ-tát A-bệ-bạt trí không có tám muôn hộ trùng.” Họ đã có phần đoạn sinh tử,



thì phải có trùng trong thân. Nếu có, kinh A-di-đà nói: “Cõi nước Phật kia, không có ba đường ác.” Vì sao kia nói có tám muôn hộ trùng, tiến thoái trái nhau, giải thích như thế nào?

Thích: Chúng sinh ở Tịnh độ tuy chịu phần đoạn, mà không có tám muôn hộ trùng, luận Đại Trí Độ và kinh Đại Phẩm nói thân trùng là nói theo cõi uest. Vả lại cõi uest, các vị trời cõi sắc tuy là phạm phu, trong thân còn không có tám muôn hộ trùng, và ba tai khởi, vào cuối kiếp hoại, trước hết hoại ba đường ác, bấy giờ sở thọ trong thân người vẫn tự không có tám muôn hộ trùng, vì ba đường ác trước đã hoại hết, hưởng chi sắc thân Tịnh độ thanh tịnh, tuy là phần đoạn, mà không có các thân trùng này.

Hỏi: Vì sao kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: “Tây phương cách thế giới này trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa cõi Phật”, đây thật là xứ xa trong bốn chỗ xa. Kinh Quán nói: “Phật A-di-đà cách đây không xa.” Hai văn trái nhau, xin giải thích ý nghĩa.

Thích: Xét cõi Cực lạc cách thế giới này trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa cõi Phật, thật là chỗ xa, ở đây nói không xa, tự có nghĩa khác tạm đưa ra mười giải thích để hiểu văn này:

- Phật lực không xa.
- Phương tiện không xa.
- Ứng hiện không xa.
- Tự tâm không xa.
- Thủ hộ không xa.
- Hữu duyên không xa.
- Bản nguyện không xa.
- Lai nghênh không xa.
- Vãng sinh không xa.
- Không buông lung không xa.

1. Phật lực, kinh nói: “Nhờ Phật lực, nên được thấy Tây phương kia.”

2. Phương tiện, kinh nói: “Có phương tiện lạ, giúp ông được thấy.”

3. Ứng hiện, kinh nói: “Phật A-di-đà đứng trong hư không.”

4. Tự tâm, kinh nói: “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật.”

5. Thủ hộ, kinh nói: “Thường đến chỗ người tu hành.”

6. Hữu duyên, kinh nói: “Chúng sinh nào có duyên đều được thấy.”

7. Bản nguyện, kinh nói: “Vì nguyện lực đời trước, nên có nhớ



tướng ắt được thành tựu.”

8. Lai nghênh, kinh nói: “Cùng các hóa Phật đến đón rước người tu hành.”

9. Vãng sinh, kinh nói: “Như khoảng thời gian búng ngón tay, liền sinh về nước kia.”

10. Không buông lung, như kinh Niết-bàn, quyển 30 nói: “Người buông lung, tuy được gần Phật và đệ tử Phật, vẫn gọi là xa.”

Nay chỉ nên chuyên tâm, không nên buông lung, thì gọi là gần Phật, không gọi là xa. Vì đủ mười nghĩa này, nên gọi là không xa.

Hỏi: kinh Quán nói: “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tướng sinh.” Vì sao tâm này có thể làm Phật?

Thích: Xét theo lý Duy thức, ngoài tâm ra không có pháp nào khác, muôn pháp, muôn tướng đều là tự tâm, nên luận Khởi Tín nói: “Tâm sinh các pháp sinh, tâm diệt các pháp diệt.” Kinh Duy-ma nói: “Hễ tâm người thanh tịnh, thì cõi Phật thanh tịnh.” Kinh nói tiếp: “Vì tâm uest nên chúng sinh uest, tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.” Nên biết muôn pháp đều do tâm biến hiện. Trong lúc dùng tâm này quán Tịnh độ của Đức Phật kia, Phật A-di-đà là tướng của bản tánh, chúng sinh quán tâm duyên với Như Lai kia, không thể ngoài tâm thấy tướng thật của Phật, phải quán tâm biến thành tướng ảnh tượng, tướng của ảnh tượng này gọi là tướng phần, tâm năng quán là Kiến phần, kiến phần và tướng phần đều không rời tự chứng phần, năng lực của kiến phần có thể hiện tướng phần, nên gọi là tâm làm Phật, tướng phần này gọi là tâm tự chứng phần, không có tự thể khác, nên gọi tâm này là Phật.

Muốn quán tất cả công đức của Như Lai, đều dùng tự tâm để biến ra ảnh tượng, nên nói biển Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tướng sinh ra, hoặc do tâm tướng tu các hạnh, là nhân muôn đức gọi là biển Chánh biến tri từ tâm tướng sinh ra nên kinh Hiền Hộ quyển hai nói: “Bồ-tát cũng giống như thế, nhất tâm khéo suy nghĩ thấy các Như Lai, thấy rồi liền trụ, trụ rồi hỏi nghĩa, giải thích vui mừng, liền có thể tư duy: Nay Đức Phật này từ nơi nào đến? Còn thân này của ta từ đâu ra? Quán Đức Như Lai kia, hoàn toàn không có chỗ đến, cho đến chỗ đi. Thân ta cũng giống như vậy, vốn không có chỗ ra, há có chỗ chuyển hoàn? Họ lại phải suy nghĩ như thế. Nay ba cõi duy tâm này, tâm này có Phật. Vì sao? Vì tùy theo tâm niệm của người mà, trở lại tự thấy tâm mình. Nay ta từ tâm thấy Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta thấy Phật. Tâm

ta là Như Lai, tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm không biết Phật, tâm không thấy tâm.”

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói:

*Tâm như người họa sĩ  
Họa các thứ năm ấm  
Trong tất cả thế gian  
Không pháp nào chẳng tạo  
Như tâm, Phật cũng thế,  
Phật cũng như chúng sinh  
Tâm, Phật và chúng sinh  
Ba thứ không khác nhau.*

Địa vị tâm có cấu, gọi là chúng sinh; khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, gọi là làm Phật, chính là nghĩa đó.

Hỏi: Kinh Quán nói: “Nếu thấy sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, thì tám muôn bốn ngàn tướng tự nhiên thấy” làm sao thấy được tướng vô kiến đảnh?

Thích: Có chỗ giải thích rằng: “Tướng vô kiến đảnh này, đã gọi là vô kiến đảnh, thì thật không thể thấy, nhưng nói thấy tám muôn bốn ngàn tướng, sự thật chỗ này đã trừ vô kiến đảnh tướng, chỉ thấy khoảng tám muôn ba ngàn chín trăm chín mươi chín tướng, lấy ít theo nhiều, gọi chung là thấy, thật ra không thấy tướng này. Nếu không như vậy thì danh nghĩa sẽ trái nhau, như núi Tu-di bị thiêu, chỉ còn lại một hạt bụi, biển cả sắp cạn, chỉ còn lại một giọt, không thể nói còn lại núi biển, ở đây cũng giống như thế, quán chung các tướng, thấy đều trùm khắp, chỉ có một tướng này không thể quán thấy, không thể nói không quán các tướng.

Có chỗ giải thích rằng: Tướng này tuy không đồng với các tướng, nhưng phần nhiều không thấy, gọi là tướng vô kiến đảnh. Uy thần lực của Phật che chở chúng sinh, trong quán hạnh lại được thấy. Nhưng thân Tha thọ dụng, thân Biến hóa, từ đầu đến chân, đều là vật hiện, khiến được chiêm ngưỡng, lợi ích hữu tình. Cái không được thấy, thì không lợi ích, sao được gọi là thân Tha thọ dụng? Tức một tướng này chẳng phải tha thọ dụng, vì đã hiển tướng này cao quý bậc nhất, khiến cho vật tôn trọng phần nhiều không được thấy, nên gọi là tướng Vô kiến đảnh. Lại vì chúng sinh hiện các tướng này, khiến cho Tha thọ dụng tôn trọng tu, đâu ngại được thấy? Như Phật Thích-ca vì cạo tóc thấy đảnh, Đức Phật kia cũng như vậy, không thể chấp văn để chọn lấy nghĩa, tức là khiến cho tất cả chúng sinh đều nhìn thấy tướng này.

Hỏi: Như trong pháp quán thứ chín của kinh Quán, nói vốn muốn quán thân tướng ánh sáng của Phật A-di-đà thì chỉ được quán thấy Phật A-di-đà, vì sao thấy Phật A-di-đà, mới được thấy chư Phật mười phương?

Thích: Ở đây có ba nghĩa được thấy chư Phật mười phương:

1. Do công đức chư Phật thấy đều đồng đẳng, đều có tự lợi lợi tha, hóa ích bình đẳng, cho nên quán một Đức Phật thì thấy chư Phật mười phương, nên Văn-thù Bát-nhã nói Nhất hạnh Tam-muội: “Hay đối với một Đức Phật niệm niệm nối nhau, tức là trong một niệm có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì niệm một Đức Phật có công đức vô lượng vô biên, cũng bằng với vô lượng công đức chư Phật, không thể suy nghĩ bàn luận, Phật pháp bình đẳng không khác nhau, đều nương vào nhất như, thành Tối Chánh Giác, tất cả đều có công đức biện tài vô lượng.”

2. Vì thấy một Đức Phật được niệm Phật Tam-muội, trừ chướng diệt tội, cho nên có thể thấy chung chư Phật mười phương.

3. Phật A-di-đà ánh sáng chiếu khắp các thế giới ở mười phương, nhờ ánh sáng mà thấy chư Phật mười phương. Kinh Bát-Chu Tam-muội nói: Bồ-tát Bạt-đà-hòa thưa hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: “Chúng sinh đời vị lai làm sao thấy được chư Phật mười phương?” Phật dạy niệm Phật A-di-đà, liền thấy tất cả chư Phật mười phương, vì Đức Phật này đặc biệt có duyên với chúng sinh cõi Ta-bà, trước hết đối Đức Phật này chuyên tâm xưng niệm, Tam-muội dễ thành, trừ chướng diệt tội, ánh sáng chiếu khắp, thấy chư Phật mười phương.

Hỏi: Kinh Quán nói: “Thực hành quán này, sinh trước chư Phật.” Vì sao quán Phật A-di-đà nguyện sinh Tây phương? Chỉ nên nói sinh trước Phật A-di-đà, là nói sinh trước chư Phật?

Thích: Ở đây có bốn giải thích:

Khi quán thân thân thứ chín này, chẳng phải gặp ngay Đức Phật A-di-đà, cũng thấy tất cả chư Phật mười phương, thế nên chẳng sinh ngay về cõi nước Cực lạc, mà cũng được tùy nguyện sinh về cõi nước của chư Phật, nên nói là sinh trước chư Phật.

Tuy thấy chư Phật mười phương, nhưng tu pháp quán này, vốn mô phỏng theo vãng sinh Tây phương, vì sao sinh về cả các cõi nước của chư Phật? Nhưng nói trước chư Phật, là vì pháp quán này là thắng hạnh, khi hành giả được sinh Tây phương, chẳng phải gặp ngay Đức Phật A-di-đà, liền thấy tất cả chư Phật mười phương, nên nói sinh trước chư Phật.

Đức Phật A-di-đà này tuy là một thân, nhưng trong nước hóa số Phật, nhiều vô lượng. Khi hành giả mới sinh, hóa Phật nhóm họp, đều đến xoa đầu, nói pháp cho nghe, vì hóa Phật chẳng phải một, nên nói sinh trước chư Phật.

Phật A-di-đà tuy hiện một thân, mà thân này nhiều Phật đồng biến, tướng tuy là một nhưng thể của nó thật nhiều, vì phần nhiều chư Phật đối với chúng sinh đều có duyên, đều cùng biến, Phật A-di-đà đồng ở một chỗ, giống như nhiều ngọn đèn, ánh sáng đều riêng, nhưng không chướng ngại nhau, dường như đồng một ánh sáng. Thân Phật cũng giống như vậy, mỗi Đức Phật đều biến một thân, tuy dường như một thân, mà thật ra nhiều thân, tuy sinh trước một Đức Phật, cũng gọi là sinh trước chư Phật.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: “Dù cho đầy khắp trong thế gian, đều như Xá-lợi-phất, cùng nhau chung suy lường, cũng không thể lường được trí Phật. Đây tức là phàm phu, Nhị thừa không thể so được với trí Phật. Còn văn luận nói: Các tha tâm trí như địa độ, nhân độ, căn độ không được duyên với nhau, vì sao kinh Quán nói: “Nếu thấy thân Phật, tức thấy tâm Phật, tâm Phật là tâm từ Bi?” Có kinh nói: “Di hâu hiển mật, cũng biết tâm Phật.” Lại có kinh nói: “Đại Mục-kiền-liên dùng tha tâm trí quán tâm niệm của Phật, A-nan là thị giả, giống như mặt trời xuất hiện ở phương Đông, chiếu ở vách Tây”, ở trước kinh nói không thể lường được trí Phật, ở sau kinh lại nói có thể quán tâm Phật, hai kinh đã khác nhau, làm sao giải thích chung?

Thích: Tát-bà-đa bộ giải thích nghĩa này. Phật có hai thứ tâm: Từng được tâm và chưa từng được tâm. Nếu Phật chưa từng khởi được tâm thì Xá-lợi-phất... đều suy nghĩ đo lường không thể biết được; nếu khởi từng được tâm, cho đến Di hâu, cũng biết tâm Phật. Kinh Giải Thâm Mật Phật tự giải thích rằng: “Tâm kiến phần của Phật, Bồ-tát Thập địa không thể biết được, khởi tâm tương phần, tất cả phàm phu thấy đều biết.” Nay nói cũng thấy tâm Phật, là thấy tâm của Kiến Tướng phần.

**Kinh nói:** “Tâm Phật là đại Từ bi.” Nhưng Phật có duyên lý nội chứng trí tâm, có duyên sự ngoại quán chúng sinh tâm. Như duyên lý nội chứng trí tâm, là tâm tự chứng phần, Phật Phật mới biết nhau, Thập địa không thể suy lường; còn duyên sự ngoại quán chúng sinh tâm, là tâm kiến phần, cũng Phật Phật mới biết nhau, Thập địa không thể suy lường; Duyên lý và sự ngoại quán chúng sinh tâm tương phần, được Như Lai che chở, cho đến Di hâu cũng biết tâm Phật.

Hỏi: Người sinh chín phẩm y theo địa vị nào để chia ra chín

phẩm?

Thích: Thô chia ra chín phẩm là có ở hai nhà; tế chia ra chín phẩm thì có nhiều thuyết nói hai nhà:

1. Chín phẩm này đều là Bồ-tát Thập tín, y cứ theo trụ, y cứ theo thối, mà tạo thiện, tạo ác, lên xuống khác nhau, chia thành chín phẩm: Người ở ba phẩm đầu là người Thập tín bất thoái trụ bản vị, thực hành có sâu cạn, thành ba phẩm trên, người ở ba phẩm trung thối tâm Đại thừa, phát ý Tiểu thừa, thoái hạnh Đại thừa, tu hạnh nghiệp Tiểu thừa, hạn có sâu cạn thành ba phẩm trung. Ba phẩm dưới, người thối tâm Đại thừa, khởi tâm sinh tử, thoái hạnh Đại thừa tạo tạo tội sinh tử, tạo tội có nặng nhẹ, thành ba phẩm dưới.

2. Phát tâm Đại Bồ-đề, tu hành hạnh Bồ-tát, hạnh có cạn sâu thành ba phẩm trên. Phát tâm tiểu Bồ-đề, tu hành hạnh Thanh văn, hạnh có cạn sâu thành ra ba phẩm trung. Không phát tâm Nhị thừa Đại, Tiểu, không tu hạnh Đại và Tiểu thừa, chỉ khởi tâm sinh diệt, chỉ tạo tội sinh tử, tạo tội có nặng nhẹ thành ra ba phẩm dưới. Đây tức là thô phần chín phẩm.

Tế phần chín phẩm: Ba hạng người ở ba phẩm trên, các sư đều chọn hay bỏ, có nhiều thứ đồng, dị.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh là Tứ, Ngũ, Lục địa Bồ-tát. Thượng phẩm trung sinh là Nhất, Nhị, Tam địa Bồ-tát; Thượng phẩm hạ sinh là ba mươi tâm địa tiên.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là Thập Hồi Hương; Thượng phẩm trung sinh, là Thập hạnh; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập trụ.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là ba mươi tâm Địa tiên; Thượng phẩm trung sinh, là Thập tín mật tâm; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín Sơ tâm.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là Thập hạnh, Thập hồi hương; Thượng phẩm trung sinh, là Thập trụ; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh là Thập trụ sơ tâm; Thượng phẩm trung sinh, là Thập tín hậu vị; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín sơ vị.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, lấy Thập tín và trước Thập tín có thể phát ba tâm, có thể tu ba hạnh, đều gọi là Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, chỉ chọn Thập tín trở xuống phát tâm Bồ-đề, phạm phu tu thiện, khởi hạnh cạn sâu, chia làm hai phẩm. Cho nên các sư đều phán ba phẩm này cao thấp khác

nhau, vì Vô sinh pháp nhãn, kinh luận phán lập hoặc hạ hoặc thượng. kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: “Vô sinh pháp nhãn ở địa thứ bảy, tám, chín.” Trong các luận nói Vô sinh pháp nhãn ở Sơ địa, hoặc ở Nhẫn vị; kinh Bồ-tát Anh Lạc nói Vô sinh pháp nhãn ở Thập trụ vị, kinh Hoa Nghiêm nói Vô sinh pháp nhãn ở Thập tín vị. Kinh Chiêm Sát nói Vô sinh pháp nhãn ở phàm phu vị trước Thập tín. Nên các sư mỗi vị đều căn cứ vào một vị được Vô sinh pháp nhãn, mà chia làm ba phẩm thượng, cao thấp khác nhau.

Trong ba phẩm Trung, một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người trong ba quả, Trung phẩm trung sinh là người ở Thất phước tiện, trung phẩm hạ sinh là người giải thoát phần thiện căn.

Một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người ở Nhẫn vị, Trung phẩm trung sinh, là người Đảnh vị, Trung phẩm hạ sinh, là người Noãn vị.

Một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người Noãn, Đảnh, Nhẫn vị, Trung phẩm trung sinh, là người tiền Tam giải thoát phần thiện căn; Trung phẩm hạ sinh là người từng gieo trồng giải thoát phần thiện căn. Một sư nói: Người ở ba phẩm trung đều là người giải thoát phần thiện căn, chỉ y cứ giữ giới có sâu cạn, và người không trì giới, chỉ làm việc lành ở đời, mà chia làm ba phẩm, không đứng về vị thượng hạ để chia thành ba phẩm. Người ở ba phẩm hạ, chỉ y cứ vào gặp duyên tạo tội nhiều ít, nặng nhẹ khác nhau mà chia thành ba phẩm hạ, không có địa vị riêng.

Vô sinh pháp nhãn có sáu vị:

1. Văn Tuệ trước Thập tín.
2. Sinh giải thoát sau Thập tín.
3. Tư Tuệ sau Thập trụ.
4. Tu Tuệ sau Noãn.
5. Chứng đắc ở Sơ địa.
6. Tương tục ở Bát địa.

Trong nhân này quả Phật viên mãn.

Hỏi: Không biết vãng sinh đều được Bất thoái hay sao mà Thượng phẩm trung sinh nói: “Trải qua bảy ngày, ứng thời liền không còn lui sụt đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

Thích: Người ở Thượng phẩm trung sinh này, người ở năm tâm của Thập tín trở xuống, tâm Thập tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, sinh trải qua bảy ngày, được tâm Bất thoái thứ sáu kia, nên gọi là Bồ-đề được không lui sụt. Khi mới vãng sinh liền gọi là Bất thoái, đây nói theo chỗ

Bất thoái. Hai văn kinh này đều căn cứ một nghĩa, không trái nhau.

Hỏi: Vì sao chín phẩm vãng sinh đều được Đức Phật A-di-đà nương bản nguyện đến đón rước người tu hành, vãng sinh cõi nước Phật, chỉ có Trung phẩm hạ sinh, không nói Thánh chúng đến đón rước là có ý gì?

Thích: Theo bốn mươi tám đại thệ nguyện, nếu không đến đón rước thì không thành Chánh giác. Lại sinh ở ba phẩm hạ, vẫn được Thánh đến rước, chuẩn trên chuẩn dưới, lẽ ra nên có Thánh đón rước. Nhưng không trình bày, có lẽ do người phiên dịch sơ sót, hoặc lược mà không nói. Có giải thích ba người ở phẩm trung, Phật dùng đại Từ đại Bi, khi người qua đời đến đón rước, chẳng phải là bản nguyện. Trung phẩm hạ sinh, Phật không đến rước, chẳng phải là văn kinh sơ sót, vì trong bốn mươi tám hồng thệ nguyện nói: “Nếu ta được thành Phật, chúng sinh trong mười phương phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sinh nước ta, khi mạng chung mà ta không cùng đại chúng hiện ở trước người đó, thì ta không thành Chánh giác.” Trong nguyện này đã nói: Phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, không cùng đại chúng hiện trước mặt người đó thì không thành Chánh giác. Phát tâm Bồ-đề này, là phát tâm Vô thượng Đại Bồ-đề, người trong ba phẩm trung vẫn chưa phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chỉ tu các công đức, nguyện muốn vãng sinh, tuy được vãng sinh, nhưng Phật không đến rước, không trái bản nguyện. Vì không phát tâm Bồ-đề, là không đúng với đại thệ nguyện.

Trong kinh Dược Sư nói tám vị Bồ-tát thị hiện ra con đường, khiến sinh Tây phương, đây tức là Phật không đến rước, nếu Phật đến rước thì Phật tự dẫn đi, được đi Tây phương, cần gì Phật Dược Sư Lưu Ly Quang sai tám vị Bồ-tát thị hiện ra con đường đó? Nên biết không có Phật, cho nên Phật không đến rước, cũng không trái với bản nguyện, vì người đó trước có tu đạo, vì chẳng phải chuyên tâm quyết định, không phải dốc lòng phát nguyện, muốn sinh về cõi nước kia. Trong kinh Dược Sư nói mà chưa định, nếu là dốc lòng phát nguyện, tức chẳng phải là người bất định. Còn hạnh của kinh kia đã nói, là người ở ba phẩm trung, chẳng phải bản nguyện. Còn kinh Bồ-tát Xử Thai nói, chúng sinh tu nghiệp Tây phương, phần nhiều không được sinh Tây phương, mà sinh ở nước Giải mạn, đây chẳng phải chuyên tu nghiệp Tây phương, người dốc lòng phát nguyện, vì hạnh nghiệp không chuyên, phát nguyện không đến, không đúng bản nguyện, nên không đến rước. Nếu Phật đến rước thì thành nghiệp Tịnh độ Tây phương, đâu Phật rước mà sinh nước Giải mạn? Kinh Vô Lượng Thọ nói người ở ba bậc đều phát tâm Vô thượng



Bồ-đề, đều được Phật rước, dù cho không thấy, vẫn ở trong mộng thấy mà được vãng sinh.

Hỏi: Vì sao kinh Quán nói Hạ phẩm thượng sinh, dốc lòng xưng Phật, diệt tội nặng trong năm mươi ức kiếp sinh tử, Hạ phẩm trung sinh nghe công Đức Phật, Hạ phẩm hạ sinh xưng danh Đức Phật kia, đều diệt tội nặng tám mươi ức kiếp sinh tử? Vì sao đồng niệm một Đức Phật, công đức giống nhau, nhưng diệt tội lỗi kia thì công đức nhiều ít có khác?

Đáp: Ở đây có hai ý:

1. Niệm Phật công đức, đúng theo lý, lẽ ra diệt tội không khác nhau, nhưng vì người tội trong ba phẩm nghiệp ác có nhiều ít: Hạ phẩm thượng sinh tội ít, chỉ có tội trong năm mươi ức kiếp, chướng sinh Tây phương, người ở hai phẩm dưới tội dần dần nhiều, nên có tội trong tám mươi ức kiếp. Vì tội kia có tăng giảm, nên nói diệt nhiều ít khác nhau, chẳng phải niệm công đức khác, khiến cho diệt tội của họ cũng khác. Ví như tráng sĩ có sức mạnh, có thể vác tám đấu gạo, có người chỉ vác có năm đấu, bỏ sự hành trì của tráng sĩ kia, chẳng phải tráng sĩ không thể giở lên nhiều, mà gạo chỉ vốn có năm đấu. Nghĩa này cũng vậy. Hạ phẩm thượng sinh chỉ có tội trong năm mươi ức kiếp, Phật tùy tội của họ nhiều ít, nói diệt năm mươi ức kiếp; Hạ phẩm trung sinh tội nặng hơn phẩm trước, ba mươi ức kiếp tùy tội chướng của họ, mà nói diệt tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Nên tội của hạng Hạ phẩm hạ sinh là nặng nhất, nên nếu đầy đủ mười niệm xưng A-di-đà Phật, trong mỗi niệm diệt tội trong tám mươi ức kiếp ba phẩm này nói diệt tội khác nhau, chẳng phải là niệm Phật công đức khác nhau.

2. Niệm danh hiệu Phật công đức tuy không khác, nhưng do tâm niệm Phật có chí thành khác nhau nên khiến diệt tội nhiều ít khác nhau. Hạ phẩm thượng sinh, tội nghiệp nhẹ mỏng, chết không có tướng ác, tâm sợ sệt không cùng cực, dù chí thành niệm Phật, chỉ có thể diệt tội trong năm mươi ức kiếp sinh tử; Hạ phẩm trung sinh, lửa mạnh của địa ngục cùng lúc đều đến, người tội quên sợ, chí thành niệm Phật, do tâm triệt để, nên diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp.

Hỏi: Nếu thế thì, Hạ phẩm hạ sinh quên sợ rất nặng, lẽ ra nói niệm Phật càng diệt nhiều hơn, vì sao đồng với tám mươi ức kiếp ở trước?

Thích: Khi hành giả qua đời, khí lực của người đó hư kém, hết sức chí thành, nhưng chỉ đến đây, sức chỉ có giới hạn, đâu thể nhiều được? Vì tội đã nhiều thì chướng ngại sinh Tịnh độ, khiến đủ mười niệm, diệt

tội mới đồng, mới được vãng sinh cõi Phật thanh tịnh. Ví như kiếm thần có thể chém được cây lớn, nếu người đó dùng nhiều sức, thì vào cây sâu; nếu không dùng nhiều sức thì chém cây cạn hơn. Chẳng phải kiếm có bén hay lụt, bởi sự mạnh yếu của sức người khác nhau. Ở đây cũng giống như thế, công đức của Phật tuy không khác nhau, nhưng lòng chí thành của người niệm khác nhau, khiến cho tội diệt nhiều ít khác nhau.

Hỏi: Vì sao nghe tụng đề mười hai bộ kinh, chỉ diệt tội nặng trong một ngàn kiếp, niệm Phật một câu thì diệt tội nặng trong năm mươi ức kiếp? Kinh Bát-nhã nói: “Nghe kinh không trái nghịch, còn hơn cúng dường tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha các Đức Phật.”

Thích: Kinh kia cúng dường Phật là tốt, nhưng cúng dường Phật là có tướng tâm nên công đức cúng dường ít, trì kinh là đời ác, khởi tâm vô tướng, nên công đức trì kinh nhiều. Nay đây nghe kinh, niệm Phật đều là đời ác, đều chỉ có tướng, nhưng cùng với Phật Di-đà có duyên cũ đã thuần thục, đời ác niệm Phật, sinh tin rất khó, Phật có thể hồng kinh, thế nên niệm Phật diệt tội nhiều hơn người nghe kinh.

Hỏi: Người Hạ phẩm hạ sinh tội tuy nhiều hơn người Hạ phẩm trung sinh, là năm tội nghịch, báng pháp, vì sao Hạ phẩm trung sinh chỉ nghe công đức Phật liền được vãng sinh, còn Hạ phẩm hạ sinh thì phải đủ mười niệm xưng Phật A-di-đà, mới được vãng sinh Tịnh độ?

Thích: Có hai giải thích:

1. Tính các tội như năm tội nghịch... chỉ hợp với sáu kiếp thọ tội, nhưng có trường hợp tội trong tám mươi hoặc chín mươi ức kiếp, vì người này tạo tội nặng này, nuôi lớn các nghiệp khác trong quá khứ, đều khiến cho có công năng chiêu cảm quả báo sinh tử trong chín mươi, tám mươi ức kiếp. Nếu một niệm sân tâm hiện tiền, có thể thiêu đốt tất cả pháp lành, có thể ngăn che trăm ngàn pháp môn. Ở đây cũng như thế, tạo tội nặng này, có thể tăng thêm nghiệp ác quá khứ, đều có thể lực có thể chiêu cảm ác báo chướng ngại việc vãng sinh Tịnh độ.

2. Năm tội nghịch này, chỉ chiêu cảm năm kiếp chịu khổ, nhưng tội hủy báng chánh pháp, kinh nói chịu khổ trong kiếp số lâu dài, như kinh Đại Phẩm và kinh Phật Tạng nói người báng pháp đọa vào địa ngục A-tỳ này, khi kiếp hoại lại sinh vào địa ngục ở phương khác, như thế lần lượt trải qua vô số kiếp, nên phải niệm Phật mười câu, diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp, được sinh Tịnh độ.

Hỏi: Vì sao pháp môn vãng sinh chẳng phải chỉ có một pháp, ngày sắp qua đời chỉ dạy niệm Phật, không dạy việc lành khác, có nghĩa gì?

Thích: Người qua đời, chỉ dạy niệm Phật, dùng bảy nghĩa này là hơn cả, không dạy pháp khác. Bảy nghĩa đó là: Thắng, thiếu, dị, diệt, duyên, nghênh, sinh.

1. Thắng: Tất cả Phàm Thánh, hoặc người, hoặc pháp, không hơn Phật, tối tôn, tối thắng, hai chướng đã dứt trừ, muôn đức châu viên. Tự giác, giác tha, giác hạnh đầy đủ, thương xót chúng sinh hơn con đẻ, là chỗ quy y lớn cho hữu tình, là châu, là bãi, là cứu, là quy, nên phải chí thành niệm Phật.

2. Thiếu: Trong các pháp tu thiện, chỉ có pháp niệm Phật này là ngôn từ ít nhất, các pháp môn khác đều nhiều. Ngày qua đời, dạy niệm chỗ này, đâu thể lại tu nhiều pháp khác?

3. Dị: Trong các pháp môn tu hành, chỉ có pháp niệm Phật này rất dễ tu tập. Sắp qua đời, trăm ngàn điều khổ ràng buộc thân, khí lực suy kém, muôn việc đều bỏ, khuyên niệm Phật còn e không thành, lại nói pháp môn khác, thì thật khó học tập, chọn lựa pháp dễ này để dạy họ tu.

4. Diệt: Ở đây chuyên niệm Phật, ngôn ước dễ tu, một niệm chí thành, liền có thể diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, dứt hẳn khổ báo ba đường của Ta-bà.

5. Duyên: Phật A-di-đà nhiều kiếp lâu xa đến nay, kết duyên rất sâu nặng với chúng sinh, có cúng dường, thấy nghe tùy hỷ, các duyên đồng hành, nương tức nhân này, nhất tâm xưng niệm, nghe tiếng thì cứu, dứt hẳn năm thiêu.

6. Nghênh: Vì niệm Phật, tội cấu diệt trừ, Phật A-di-đà, nương bốn thế nguyện, cùng các Thánh chúng đích thân đến rước, pháp khác không được như vậy, nên phải niệm Phật.

7. Sinh: Như nguyện ấy nói: “Dù chỉ mười niệm, nếu không sinh, không thành chánh giác.”

Vì bảy nghĩa này hơn hẳn các pháp môn, nên khuyên chúng sinh, khi qua đời niệm Phật.

Hỏi: Một niệm, mười niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, là chỉ pháp niệm Phật này mà được vãng sinh, nhờ pháp môn khác có được sinh không? Nếu chỉ giữ niệm này mà chưa hiểu niệm này, kinh tuy nói là đầy đủ công đức vô thượng, một niệm như thế nào mới thành công đức vô thượng?

Thích: Công đức vô lượng, đâu cần phải tu nhiều trong thời gian dài, mới thành vô lượng, vì có khi tu nhiều trong thời gian dài mà có ít phước, có khi tu ít trong thời gian ngắn mà có nhiều phước. Nghĩa này

thế nào? Như kinh Kim cang Bát-nhã nói: Đầu ngày, giữa ngày, cuối ngày dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, bố thí thân trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp như thế, nếu có người nghe kinh điển này tín tâm không nghịch thì phước người đó hơn kia vì thời gian vô lượng trăm ngàn muôn ức dài xa, tu pháp thí xả thân nhiều như cát sông Hằng, mỗi mỗi đều hại nên nhiều mạng khổ. Tuy lại có ba nhiều, nhưng phước ít. Như lại có người, thân ít; nghe kinh điển này trong thời gian ngắn, tín tâm không nghịch, thực hành ít; nhưng được công đức nhiều hơn phước ở trước. Đây là bậc Thượng Thánh so lường, chẳng phải kể hạ phạm đo được, há không tin sao? Nay một niệm niệm Phật này, tức là đầy đủ công đức Vô thượng, cũng là lời nói thẳng của Đại sư, đâu được hoài nghi?

Lại còn một niệm niệm Phật, tức hơn trăm ngàn muôn ức kiếp tu đạo, nên thành nhiều công đức. Như kinh Pháp Hoa nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát, lại trọn đời cúng dường thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men, ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam, thiện nữ này có nhiều không?” Vô Tận Ý thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều!” Phật nói: “Nếu có người thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù cho chỉ lễ bái cúng dường, trong thời gian ngắn thì phước của hai người này, cũng bằng nhau không khác.” Nếu thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát, lại tứ sự cúng dường, tính theo thời tiết, thì đã trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp mới tạm thời xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, cúng dường một thứ, công đức trong nhiều thời gian này đồng với phước trong một ít thời gian.

**Kinh Thập Luân nói:** “Nếu người trong trăm đại kiếp dốc lòng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, không bằng niệm Bồ-tát Địa Tạng trong khoảng bữa ăn.” Nếu trăm đại kiếp niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, hưởng gì ở trước đã so lường, tức phải hơn trăm ngàn muôn ức không thể nói hằng hà sa danh hiệu Bồ-tát. Nếu trong nhiều kiếp niệm Bồ-tát Địa Tạng, không bằng một câu dốc lòng niệm Phật A-di-đà, công đức vô lượng vô biên. Như thế đem Phật so với Bồ-tát Địa Tạng, đem Bồ-tát Địa Tạng so với Bồ-tát Quán Thế Âm, đem Bồ-tát Quán Thế Âm so với sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ-tát, tức ngay nơi một câu niệm Phật công đức, hơn tứ sự cúng dường hằng hà sa số danh hiệu Bồ-tát trong Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Đây là một niệm niệm Phật tức hơn niệm các vị Bồ-tát, một A-tăng-kỳ, hai A-tăng-kỳ kiếp tu đạo, vì sao niệm Phật công đức ít? Nên phải dùng sự so lường này, để biết công đức là

nhiều.

Hỏi: Nếu lấy đây so lường, thật thành vô lượng công đức, rất hợp với kính tin, vui mừng xưng niệm, chắc chắn được vãng sinh, mà kinh Pháp Hoa nói: “Nếu người tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu, một xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo.” Nếu một câu niệm Phật liền vãng sinh Tây phương, cũng một câu niệm Phật, liền được thành Phật đạo. Nếu được thành, thì lẽ ra các thế giới trong mười phương không còn một phàm phu, tất cả có thể niệm Phật đều thành Phật. Nếu một câu chưa được thành Phật, thì chỉ là nhân xa thành Phật, càng phải dần dần dồn chứa công đức, đầy đủ tâm đại Bi, muôn hạnh châu viên, mãn ba A-tăng-kỳ kiếp, mới thành quả Phật, khi qua đời một niệm, mười niệm đâu hẳn được vãng sinh ngay, cũng phải dần dần huân tu, đầy đủ các Ba-la-mật, mới được vãng sinh Tịnh độ.

Đáp: Điều này không thành lệ, Phật không có chín phẩm khác nhau, đều phải có muôn đức đầy đủ, phải nhờ nhiều kiếp lâu xa, mới thành đạo chánh giác. Kinh Pháp Hoa là đối với hàng Thanh văn mà nói như thế, nhưng có thể phát tâm Bồ-đề Vô Thượng, cho đến tán loạn niệm Phật, cuối cùng là nhân của quả Phật, sau đó mới có thể rộng tu các độ, tức là được thành Đẳng chánh giác. Thanh văn dù phân nhiều tu đạo, nhưng không đi đến Vô thượng Bồ-đề, vì ở đây không thể thành quả Vô thượng.

Kinh đó là đối Thanh văn hội hai quy về một, nên nói như thế, không nêu các nghĩa vãng sinh của kinh Quán, công đức một câu, mười câu niệm Phật, tuy được vãng sinh Tịnh độ, vẫn là phàm phu. Chúng sinh vãng sinh, chín phẩm khác nhau, cho phép thực hành có nhiều ít, vẫn thuộc về phàm phu, đâu ngại gì một niệm liền sinh cõi Phật? Nếu không có chín phẩm khác nhau làm nhân, đều phải một thứ, ắt phải tu đủ muôn hạnh, mới thành thế hùng của mười phương, nên không thể làm ví dụ.